

TRƯỜNG THCS TÔ KÝ**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7 NĂM HỌC 2021 - 2022****GVCN: THẦY ĐỖ THÀNH TÀI (SỐ ĐT:0977765450)**

STT	Lớp cũ	Lớp mới	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	6.14	7.13	LÊ THỂ	ANH	03/03/2009	Nam	Kinh	
2	6.12	7.13	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	17/07/2009	Nữ	Kinh	
3	6.12	7.13	PHẠM QUỐC GIA	BẢO	15/04/2009	Nam	Kinh	
4	6.16	7.13	TÔN THỌ BẢO	DUY	22/09/2009	Nam	Kinh	
5	6.15	7.13	CAO NGỌC MINH	ĐĂNG	15/02/2009	Nam	Kinh	
6	6.13	7.13	HUỖNH QUANG MINH	ĐĂNG	01/12/2009	Nam	Kinh	
7	6.10	7.13	NGUYỄN DUY	ĐĂNG	22/01/2008	Nam	Kinh	
8	6.7	7.13	HÀ MINH	HIẾU	24/09/2009	Nam	Kinh	
9	6.1	7.13	HUỖNH THỊ NHƯ	HOÀNG	31/12/2009	Nữ	Kinh	
10	6.15	7.13	NGUYỄN ĐỨC	HUY	19/09/2009	Nam	Kinh	
11	6.16	7.13	NGUYỄN QUANG	HUY	05/09/2009	Nam	Kinh	
12	6.15	7.13	TRẦN KHÁNH	HUY	21/10/2009	Nam	Kinh	
13	6.15	7.13	NGUYỄN MINH	KHÔI	05/12/2009	Nam	Kinh	
14	6.15	7.13	NGUYỄN THỊ THANH	LAM	24/04/2009	Nữ	Kinh	
15	6.12	7.13	NGUYỄN TRƯỞNG HẢI	LAM	23/11/2009	Nam	Kinh	
16	6.13	7.13	NGUYỄN THÀNH	LONG	28/01/2009	Nam	Kinh	
17	6.5	7.13	TRẦN THỊ THÚY	NGA	15/09/2009	Nữ	Kinh	
18	6.16	7.13	NGUYỄN THUY TUYẾT	NGÂN	01/09/2009	Nữ	Kinh	
19	6.3	7.13	NGUYỄN BẢO	NGỌC	31/10/2009	Nữ	Kinh	
20	6.11	7.13	NGUYỄN PHẠM BẢO	NGỌC	19/10/2009	Nữ	Kinh	
21	6.15	7.13	TRẦN QUÝ	NGỌC	13/03/2009	Nữ	Kinh	
22	6.15	7.13	VÕ THANH	NHÃ	08/03/2009	Nữ	Kinh	
23	6.9	7.13	LẠI YẾN	NHI	24/12/2009	Nữ	Kinh	
24	6.10	7.13	PHAN NGỌC TÂM	NHƯ	21/09/2009	Nữ	Kinh	
25	6.4	7.13	VŨ PHI	PHỤNG	20/09/2009	Nữ	Kinh	
26	6.8	7.13	NGUYỄN NAM	PHƯƠNG	12/06/2009	Nam	Kinh	
27	6.15	7.13	VÕ MINH	QUANG	25/10/2009	Nam	Kinh	
28	6.14	7.13	TRẦN PHÚC	SANG	29/08/2009	Nam	Kinh	
29	6.4	7.13	TRẦN HỮU	TIẾN	09/12/2009	Nam	Kinh	
30	6.4	7.13	NGUYỄN QUANG	TÙNG	18/11/2009	Nam	Kinh	
31	6.6	7.13	NGUYỄN NGỌC MINH	TUYẾT	08/11/2009	Nữ	Kinh	
32	6.4	7.13	PHAN THÀNH	THÁI	19/01/2009	Nam	Kinh	
33	6.6	7.13	ĐỖ HOÀNG THANH	THIỆN	23/08/2009	Nam	Kinh	
34	6.7	7.13	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	17/08/2009	Nam	Kinh	
35	6.15	7.13	ĐẶNG THỊ THANH	THƯ	23/02/2009	Nữ	Kinh	
36	6.3	7.13	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	10/02/2009	Nữ	Kinh	
37	6.2	7.13	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	18/07/2008	Nữ	Kinh	
38	6.10	7.13	HOÀNG SĨ	TRUNG	21/09/2009	Nam	Kinh	
39	6.10	7.13	MAI PHƯƠNG	UYÊN	23/06/2009	Nữ	Kinh	

STT	Lớp cũ	Lớp mới	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
40	6.7	7.13	TRẦN QUANG	VINH	28/01/2009	Nam	Kinh	
41	6.8	7.13	NGUYỄN TRẦN TẤN	VŨ	20/10/2009	Nam	Kinh	
42	6.2	7.13	DUỠNG NGỌC	VŨNG	17/01/2009	Nam	Kinh	
43	6.11	7.13	PHẠM NGUYỄN TƯỜNG	VY	17/10/2009	Nữ	Kinh	
44	6.1	7.13	PHAN LÂM THÚY	VY	26/12/2009	Nữ	Kinh	